**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ AYUNPA**
**TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày 09-5-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUNPA, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Siu Lanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Bảo Châu; nghề ngiệp: Giáo viên Trường THCS Đinh Tiên Hoàng, thị xã Ayun Pa.

2. Ông Nguyễn Đức Thại; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí, Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc Dacam-Doxin thị xã Ayun Pa.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thắng – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:*** Ông Nay Ha – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

**Lưu VT**, sinh ngày 16/6/2000 tại huyện LB, tỉnh LS; Nơi cư trú: Bôn MH B, xã IH, huyện PT, tỉnh GL. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu VH và bà Nguyễn TH; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 19/12/2018, tạm giam từ ngày 22/12/2018 đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Ngô TV, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 1, tỉnh GL. Có mặt.

Địa chỉ: 65 TQT, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL.

- *Người bị hại:* Chị NH, sinh năm 1996; trú tại: Bôn K, xã IS, thị xã AP, tỉnh GL. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh SS, sinh năm 1993; trú tại: Bôn K, xã IS, thị xã AP, tỉnh GL. Có mặt.

+ Anh Nguyễn VP, sinh năm 1990; trú tại: Bôn MH B, xã IH, huyện PT, tỉnh GL. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Trần VĐ, sinh năm 1994; trú tại: Tổ dân phố 1, phường CR, thị xã AP, tỉnh GL. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lưu VH, sinh năm 1960; trú tại: Bôn MH B, xã IH, huyện PT, tỉnh GL. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

*+ Người phiên dịch:* Ông RA, người dân tộc Jrai
Trú tại: Tổ 9, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu VT và chị NH có mối quan hệ quen biết. Khoảng 07 giờ 00 ngày 21/7/2016, Lưu VT đến nhà chị NH hỏi mượn xe môtô BKS 81B1-xxx hiệu YAMAHA, loại Nouvo màu đỏ-đen đi chơi thì được chị H đồng ý. Sau khi mượn được xe, Tình điều khiển xe môtô chở bạn là SS đến nhà T ở huyện PT chơi. Trên đường đi T nảy sinh ý định bán xe môtô BKS 81B1-xxx để lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, khi đi đến ngã ba điểm 9, xã IH, huyện PT, tỉnh GL thì dừng xe đổ xăng. Khi mở cốp xe T thấy có giấy đăng ký xe môtô, lúc này T nói cho S biết ý định bán xe nhưng S không đồng ý, rồi T điều khiển xe chở S đến nhà mình tại xã IH, huyện PT. Khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, T rủ S đi đến nhà bạn tại xã PT, huyện IP, tỉnh GL chơi, S đồng ý. Lúc này T tiếp tục nảy sinh ý định bán xe của chị H để lấy tiền tiêu xài, thực hiện ý định, T điều khiển xe môtô BKS 81B1-xxx chở theo S đến tiệm Honda của anh Nguyễn VP trú tại Bôn MH B, xã IH, huyện PT. Tại đây S đứng ngoài, còn T dắt xe vào tiệm gặp anh P rồi bán chiếc xe môtô trên cho anh P với số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi bán xe xong, T nói lại cho S biết việc mình bán xe rồi tự giữ số tiền trên và sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Sau khi mua xe môtô BKS 81B1-xxx, anh P tiếp tục bán chiếc xe trên cho anh Trần VĐ với giá 5.200.000 đồng. Đến ngày 29/3/2017, anh Đ đã tự nguyện giao nộp chiếc xe môtô BKS 81B1-xxx cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã AP để xử lý theo quy định của pháp luật.

Sau khi khởi tố vụ án và khởi tố bị can, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã AP ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lưu VT nhưng sau đó T bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 04/7/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã AP ra Quyết định truy nã đối với Lưu VT. Ngày 19/12/2018, Lưu VT bị Công an huyện PT, tỉnh GL bắt theo lệnh truy nã.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 12/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã AP kết luận: Chiếc xe môtô BKS: 81B1-xxx, nhãn hiệu YAMAHA, loại Nouvo màu đỏ-đen, có giá trị: 4.980.000 đồng.

Trong quá trình điều tra vụ án cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã AP đã ra Quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Phân viện khoa học hình sự tại thành phố ĐN xác định tuổi của bị cáo Lưu VT. Tại Bản kết luận giám định pháp y độ tuổi số 06/C09C(Đ5) ngày 08/01/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố ĐN kết luận: Căn cứ sự phát triển thể chất, sự cốt hóa của các xương tay, chân và khung chậu, mức độ hàn các đầu xương vào thân xương của các xương dài, khám chuyên khoa và xét nghiệm, xác định độ tuổi của Lưu VT tại thời điểm giám định (tháng 01 năm 2019) là: từ 19 năm đến 21 năm.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 06/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã AP, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Lưu VT về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lưu VT đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã AP, tỉnh Gia Lai đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã AP, tỉnh GL giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lưu VT về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiến đoạt tài sản"; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 98 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lưu Văn Tình từ 06 đến 09 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là chị NH đã được trả lại tài sản, không yêu cầu bị cáo Lưu VT phải bồi thường gì thêm.

Anh Trần VĐ đã được anh Nguyễn VP trả lại số tiền 5.200.000 đồng và anh Nguyễn VP đã được ông Lưu VH là cha ruột của bị cáo Lưu VT trả số tiền 4.000.000 đồng nên các anh P và Đ đều không có yêu cầu gì.

Ông Lưu VH không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền 4.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe môtô BKS: 81B1-xxx, nhãn hiệu YAMAHA, loại Nouvo màu đỏ-đen, số khung: RLCN2B5207Y141849, số máy: 2B52141849. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ayun Pa đã trả lại cho bị hại chị NH, chị H không có khiếu nại gì nên không đề cập xử lý.

Bà Ngô TV là người bào chữa cho bị cáo Lưu VT trình bày lời bào chữa: Tại phiên tòa bị cáo Lưu VT đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình; lời khai của bị cáo là phù hợp với nội dung của bản cáo trạng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên thống nhất về tội danh, điểm, khoản và điều luật áp dụng đối với bị cáo Lưu VT như đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã AP đã truy tố. Về tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, người bào chữa thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ như Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là: Bị cáo thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ

được quy định tại điểm i, b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo là "cha bị cáo là người có công với cách mạng". Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam là 04 tháng 20 ngày tù cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với đề nghị của Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Lưu VT tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện:

Vào khoảng 07 giờ 00 ngày 21/7/2016, tại Bôn K, xã IS, thị xã AP, tỉnh GL, bị cáo Lưu VT đã mượn chiếc xe môtô BKS: 81B1-xxx, nhãn hiệu YAMAHA, loại Nouvo màu đỏ-đen có trị giá 4.980.000 đồng của chị NH để đi công việc rồi nảy sinh ý định bán chiếc xe môtô trên lấy tiền tiêu xài, sau đó bị cáo đã bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn VP lấy 4.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Lưu VT đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như Viện kiểm sát nhân dân thị xã AP, tỉnh GL đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

Bị cáo Lưu VT phạm tội vào ngày 21/7/2016 thời điểm mà Bộ luật Hình sự năm 1999 có hiệu lực pháp luật đến nay mới đưa ra xét xử. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 về việc áp dụng tình tiết có lợi cho người phạm tội nếu điều luật quy định một hình phạt nặng hơn thì không áp dụng cho bị cáo. Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có mức hình phạt tù từ "sáu tháng đến ba năm" nặng hơn khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù từ "ba tháng đến ba năm". Do đó cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt đối với bị cáo Lưu VT.

Bị cáo Lưu VT là một thanh niên khỏe mạnh nhưng lười biếng lao động, bị cáo nhận thức được quyền sử hữu về tài sản của người khác luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Xuất phát từ mối quan hệ quen biết với chị NH, ban đầu bị cáo mượn chiếc xe mô tô BKS: 81B1-xxx, nhãn hiệu

YAMAHA, loại Nouvo màu đỏ-đen của chị H để đi công việc nhưng sau đó thì nảy sinh ý định bán xe để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ý định bán xe lấy tiền tiêu xài của bị cáo mặc dù đã được anh S đi cùng ngăn cản nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của mình. Trong quá trình điều tra vụ án bị cáo được cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã AP áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo đã không chấp hành mà bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho công tác điều tra, làm vụ án bị kéo dài. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để khắc phục hậu quả; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm i, b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lưu VT khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi (16 tuổi 01 tháng 05 ngày) nhận thức còn hạn chế nên được hưởng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại các Điều 90, Điều 91, Điều 98 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với anh Siu Sin là người được bị cáo Lưu VT rủ đi bán chiếc xe môtô BKS: 81B1-xxx tuy nhiên anh S đã không đồng ý và ngăn cản. Nhưng sau đó, T tự ý thực hiện hành vi bán chiếc xe môtô trên anh S không biết và cũng không được hưởng lợi gì từ việc T bán xe. Sau khi sự việc xảy ra, anh S đã báo cho chị NH biết nên không có căn cứ xử lý.

Đối với các anh Nguyễn VP và Trần VĐ là những người đã mua bán chiếc xe môt tô BKS: 81B1-xxx do T phạm tội mà có. Tuy nhiên khi mua xe cả anh P và anh Đ đều không biết nguồn gốc chiếc xe trên là do bị cáo Lưu VT phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là chị NH đã được trả lại xe và không yêu cầu bị cáo Lưu VT phải bồi thường gì.

Các anh Nguyễn VP và Trần VĐ đã được nhận lại tiền mua bán xe và đều không có yêu cầu gì.

Đối với ông Lưu VH là cha ruột của bị cáo Lưu VT đã thay mặt bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn VP số tiền 4.000.000 đồng. Ông H không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả lại số tiền nêu trên.

[3] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe môtô BKS: 81B1-xxx, nhãn hiệu YAMAHA, loại Nouvo màu đỏ-đen. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã AP đã xử lý trả lại cho chị NH là chủ sở hữu, chị H không có khiếu nại gì nên không đề cập xử lý.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lưu VT phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 98 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lưu VT 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 19/12/2018).

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lưu VT phải chịu 200.000 đồng;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/5/2019) bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Công an thị xã Ayun Pa;
- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Bị cáo; bị hại; người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ+Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Siu Lanh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Ngô Bảo Châu** **Nguyễn Đức Thại** **Siu Lanh**